

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 314/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1994,

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn N, sinh năm 1988,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện tại: Đài Loan.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Người làm chứng: Ông Vũ Thái N1, sinh năm 1957; ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm F, thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày: Chị và anh Vũ Văn N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/11/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh N đi lao động tại Đài Loan từ đầu năm 2014 cho đến nay chưa về nước. Thời gian chị sinh con anh N về phép được một tháng, sau đó lại tiếp tục sang Đài Loan làm việc. Năm 2017 chị đi lao động tại Đài Loan, đến cuối năm 2022 chị về nước và có về gia đình nhà chồng ở được khoảng một tháng thì dọn về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng chủ yếu sống xa cách mỗi người một nơi nên không có sự giảng buộc, chia sẻ, gắn bó. Vợ chồng sống ly thân 10 năm không liên lạc, không quan tâm đến nhau nên tình cảm không còn và chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Anh Q, sinh ngày 18/11/2014, hiện con đang ở với chị. Chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị P không cung cấp được địa chỉ của anh N nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh N. Ông Vũ Thái N1 (là bố đẻ anh N) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên thời gian đi lao động tại Đài Loan anh N vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại, nhưng kể từ khi được thông báo chị P có đơn xin ly hôn, anh N không liên lạc về cho gia đình nữa. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh N biết, trường hợp anh N không liên lạc về nhà thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông N1 còn trình bày anh N đi lao động tại Đài Loan từ năm 2014 anh chỉ về phép một lần, đến nay chưa về nước. Chị P có đơn xin ly hôn, anh N không có ý kiến gì, gia đình cũng không mong muốn anh chị ly hôn, tuy nhiên chị P cương quyết xin ly hôn mà anh N không chịu về nước thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị P

Con chung của chị P và anh N là cháu Vũ A Q có nguyện vọng được ở với chị P.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị P, anh N đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa phương được một thời gian ngắn thì anh N đi lao động ở nước ngoài, sau đó chị P cũng đi lao động nước ngoài nhưng mỗi người ở một nước khác nhau. Hiện tại chị P đã về nước nhưng về nhà bố mẹ đẻ ở, anh N đến nay chưa về nước. Nay chị P có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị Trần Thị P ly hôn anh Vũ Văn N. Về con chung: Giao con chung Vũ Anh Q cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị P hiện đang sinh sống tại xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, bị đơn anh Vũ Văn N có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện anh N đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh N ở Đài Loan. Tòa án đã đề nghị gia đình anh N cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh N để gia đình thông báo cho anh N biết nhưng từ khi anh N biết chị P có đơn xin ly hôn anh N không liên lạc về cho gia đình. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông N1 là bố đẻ anh N để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị P và anh N đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối

cao thì đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tại phiên tòa lần thứ hai chị P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Vũ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/11/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2014 anh N đi lao động tại Đài Loan, anh có về phép một lần từ đó cho đến nay anh chưa về nước. Năm 2017 chị cũng đi lao động tại Nhật Bản đến năm 2022 chị về nước và về nhà bố mẹ đẻ ở. Mặc dù kết hôn đã lâu nhưng vợ chồng chủ yếu sống xa cách mỗi người một nơi nên không có sự gắn bó, chia sẻ. Vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Gia đình anh N xác định vẫn liên lạc điện thoại với anh nhưng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh và anh N đã biết chị P có đơn xin ly hôn nhưng anh không gửi lời khai thể hiện quan điểm của mình. Thực tế vợ chồng sống ly thân từ lâu, không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị P ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị P và anh Vũ Văn N có một con chung là Vũ Anh Q, sinh ngày 18/11/2014, hiện con đang ở với chị P. Chị P đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh N hiện đang làm việc ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa anh cũng không có lời khai thể hiện quan điểm, nguyện vọng được nuôi con. Cháu Vũ Anh Q có nguyện vọng được ở với chị P. Do vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung cho chị Trần Thị P chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị P ly hôn anh Vũ Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị P được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Anh Q, sinh ngày 18/11/2014 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị P tạm thời không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0000622 ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị P đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Vũ Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường

